

DỰ THẢO

Nam Hoa Lư, ngày 30 tháng 09 năm 2025

**DỰ THẢO**  
**CÁC KHOẢN THU THEO QUI ĐỊNH VÀ THU DỊCH VỤ PHỤC VỤ, HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC, NĂM HỌC 2024-2025**

Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ GD&ĐT về việc Ban hành Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

Nghị quyết số 21/2024/NQ-HĐND ngày 30/10/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh NB về Nghị quyết quy định các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động GD trong các sở GDMN, GDPT, GDTX công lập trên địa bàn tỉnh Ninh Bình từ năm học 2024-2025;

Nghị quyết số 08/2025/NQ-HĐND ngày 22/6/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung 1 số nội dung của Phụ lục ban hành kèm theo NQ số 21/2024/NQ-HĐND ngày 30/10/2024 của HĐND tỉnh NB quy định các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động GD trong các sở GDMN, GDPT, GDTX công lập trên địa bàn tỉnh Ninh Bình từ năm học 2024-2025;

Công văn số 492/SGDĐT-CTHSSV ngày 15/8/2025 của Sở GD&ĐT Ninh Bình về triển khai bảo hiểm cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh, sinh viên;

Công văn số 927/SGDĐT-TC ngày 25/9/2025 của Sở GD&ĐT tỉnh Ninh Bình về thực hiện các khoản thu tại các cơ sở giáo dục công lập năm học 2025-2026;

Công văn số 738/UBND-VHXH ngày 26/9/2025 của UBND phường Nam Hoa Lư về thực hiện các khoản thu tại các CSGD công lập năm học 2025-2026.

Căn cứ tình hình thực hiện nhiệm vụ năm học 2025-2026 của trường mầm non Ninh Hải;

Trường Mầm non Ninh Hải xây dựng dự kiến các khoản thu theo qui định và thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục năm học 2025-2026 :

**Tổng số trẻ dự kiến năm học 2025-2026: 380 trẻ**

**I. DỰ KIẾN PHÂN CHI:**

Năm học 2025-2026, nhà trường Có 17 nhóm lớp (5 nhóm Nhà trẻ và 11 lớp mẫu giáo). Dự kiến số trẻ đến trường là: 380 học sinh

+ Toàn trường có 49 CBGVNV. Trong đó: 37 đ/c CBGV trong biên chế (Ban giám hiệu: 03 đ/c; Giáo viên: 34 đ/c), 01 nhân viên kế toán, 01 nhân viên văn thư, 10 nhân viên hợp đồng trường (7 nhân viên nuôi dưỡng, 03 nhân viên bảo vệ).

**1. Các khoản thu theo quy định**

Thực hiện Công văn số 5542/BGDĐT-KHTC ngày 12/9/2025 của Bộ GD&ĐT về thực hiện chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo năm học 2025-2026: Trẻ em MN, học sinh phổ thông, người học chương trình GDPT trong các CSGD công lập được miễn học phí theo Điều 15, Điều 16 ( Điều 15. Đối tượng được miễn học phí)

## 2. Các khoản thu hộ: Thu theo nhu cầu của PHHS

- Bảo Việt: 150.000đ/trẻ/năm học.

Nhà trường triển khai công văn số 492/SGDDĐT-CTHSSV ngày 15/8/2025 của Sở GD&ĐT Ninh Bình về triển khai bảo hiểm cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh, sinh viên thực hiện công tác bảo hiểm cho học sinh, chú trọng công tác tuyên truyền vận động học sinh tự nguyện tham gia, góp phần bảo vệ chăm sóc sức khỏe học sinh. Khoản thu này do tổ chức bảo hiểm thu.

## 3. Các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục

\* Tiền ăn bán trú: Trẻ ăn ở trường, nhà trường bán phiếu ăn

- Mỗi phiếu: 20.000đ/trẻ/ngày (Trong đó: Có 2 bữa chính và 1 bữa phụ).

Thực hiện bán phiếu ăn cho trẻ vào tuần đầu tiên của tháng tại các điểm trường qua hình thức chuyển khoản.

- Nhà trường đã gửi thư ngỏ, họp hội đồng SP nhà trường, công khai trong cuộc họp, và trang web của nhà trường các nhà cung cấp thực phẩm, cung cấp ga, cung cấp sữa. Quyết định lựa chọn nhà cung cấp có đủ điều kiện về ATTP, PCCC, có đủ tư cách pháp nhân:

+ Cung cấp lương thực, thực phẩm, nguyên liệu bếp ăn: Công ty An Phước 229. Địa chỉ: Đường 477, Phúc Sơn, Phường Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình.

+ Cung cấp chất đốt (ga): Công ty TNHH 1 thành viên thương mại GAS Hoàng Anh. Địa chỉ: Số nhà 1079, đường Trần Đạo, phường Hoa Lư, tỉnh NB

+ Cung cấp sữa: Sữa bột Mega extra gold của Công ty TNHH Đức Quang Ninh Bình. Số 20 ngách 18/80 đường Nguyễn Thị Minh Khai, phố Vạn Hưng, phường Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình.

\* *Tiền dịch vụ trang thiết bị, đồ dùng phục vụ học sinh bán trú ( công cụ, dụng cụ, đồ dùng phục vụ nấu ăn và đồ dùng cá nhân cho học sinh bán trú):* Thu theo năm học:

- Dự kiến chi: 38.000.000đ (Mua sắm, đầu tư thay thế dụng cụ hư hỏng, mất mát dụng cụ, các đồ dùng dụng cụ phục vụ công tác bán trú như nồi, xoong, chảo, nước rửa bát, bát, thìa,...)

ST T	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1	Nồi inox	Cái	2	437.000	874.000	
2	Rá inox loại to	Cái	4	190.000	760.000	
3	Rá inox loại vừa	Cái	2	150.000	300.000	
4	Tạp dề	Cái	14	36.000	504.000	Bếp 7 NV x 2 cái/năm
5	Mài dao	Cái	3	35.000	105.000	Bếp 3 khu: 3 cái/năm
6	Dao cán gỗ	Cái	6	150.000	900.000	
7	Gang tay y tế hộp	Hộp	28	85.000	2.380.000	Bếp 7 NV x 4 hộp/năm học

8	Mũ y tế	Túi	82	100.000	8.200.000	Bếp: 7 NV x 2 túi/năm học Lớp: 17 lớp x 2 cô x 2 túi/ năm học
9	Nhiệt kế	Cái	1	85.000	85.000	
10	Gang tay túi bóng	Hộp	192	8.000	1.536.000	Bếp: 7 NV x 8 túi/năm Lớp: 17 lớp x 2 cô x 4 túi/ năm học
11	Túi bóng rác 10kg	Kg	9	36.000	324.000	Bếp: 1 kg/tháng x 9 tháng/năm
12	Nạo rau củ	Cái	10	11.000	110.000	Bếp: 10 cái/năm học
13	Bối lưới	Cái	10	7.000	70.000	Bếp: 10 cái/năm học
14	Bối cọ xoong	Cái	10	7.000	70.000	Bếp: 10 cái/năm học
15	Kéo cắt thực phẩm	Cái	5	135.000	675.000	Bếp 3 khu: 5 cái/năm học
16	Gang tay cao su	Đôi	28	25.000	700.000	Bếp: 7 NV x 4 đôi/năm
17	Bút viết bảng	Cái	20	15.000	300.000	
18	Ghế ngồi inox thấp	Cái	7	45.000	315.000	Bếp: 7 NV x 7 cái/năm học
19	Khăn lau	Chiếc	15	2.500	37.500	Bếp: 5 cái/3 tháng x 9 tháng/năm
20	Ca inox đựng sữa	Cái	3	200.000	600.000	
21	Xẻng xới cơm inox	Cái	1	152.500	152.500	
22	Bát inox	Cái	100	15.000	1.500.000	
23	Thìa inox	Cái	100	8.000	800.000	
24	Đĩa nhựa nhỏ	Cái	85	10.000	850.000	Lớp: 17 lớp x 5 cái/năm học
25	Khăn lau tay	Cái	85	11.000	935.000	Lớp: 17 lớp x 5 cái/năm
26	Rổ nhựa đựng bát	Cái	17	58.000	986.000	
27	Lọ lưu mẫu thức ăn	Cái	15	65.000	975.000	
28	Chậu nhựa	Cái	5	150.000	750.000	Bếp 3 khu: 5 cái/năm
29	Chăn	Cái	17	275.000	4.675.000	
30	Nước lau bếp	Chai	9	41.000	369.000	

31	Dao bé	Cái	5	78.000	390.000	
32	Bếp gas công nghiệp	Cái	3	950.000	2.850.000	
33	Thớt gỗ to	Cái	3	250.000	750.000	
34	Máy say sinh tố	Chiếc	1	1.567.000	1.567.000	
35	Yếm	Cái	100	12.000	1.200.000	Lớp nhà trẻ: 1 cái/1 trẻ/năm
36	Băng dính trắng	Cuộn	9	45.000	405.000	Bếp: 3 khu x 3 cuộn/năm
<b>Tổng cộng</b>					<b>38.000.000</b>	

- Dự kiến thu: Dự kiến 380 trẻ ăn bán trú tại trường:

$380 \text{ trẻ} * 100.000\text{đ/năm} = 38.000.000\text{đ}$

Thu lần đầu tuyển mới vào trường (Đầu cấp): 300.000đ/HS/lần

Thu bổ sung hàng năm để đầu tư thay thế dụng cụ hư hỏng, mất mát: 100.000đ/HS/lần.

Căn cứ vào tình hình thực tế, năm học 2025-2026 nhà trường dự kiến thu: 100.000đ/trẻ/năm học đối với trẻ mới đến trường và trẻ cũ.

\* **Vệ sinh lớp:** 10.000đ/trẻ/tháng (Thu theo tháng thực học của trẻ).

- Dự kiến chi: 34.200.000đ (Mua sắm các đồ dùng vệ sinh cho các nhóm lớp như: Giấy vệ sinh, nước rửa tay, xà phòng, nước tẩy nhà vệ sinh, nước lau sàn nhà, cây lau nhà, chổi quét, găng tay cao su, chổi sương, túi bóng đựng rác, mũ đội đầu y tế)

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Đơn giá (đồng)	Số lượng	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
1	Giấy vệ sinh vietnam airlines	Bịch	60.000	209	12.540.000	95 trẻ nhà trẻ x 7 cuộn/trẻ/năm 285 trẻ mẫu giáo x 5 cuộn/trẻ/năm
2	Nước rửa tay Lifebouy	Chai	70.000	77	5.390.000	17 lớp x 1 chai/2 tháng x 9 tháng
3	Xà phòng giặt Omo gói	Gói	48.000	34	1.632.000	17 lớp x 02 gói/năm học
4	Nước tẩy nhà vệ sinh okay	Chai	38.000	77	2.926.000	17 lớp x 01 chai/2 tháng x 9 tháng
5	Nước lau sàn nhà Sunlight	Chai	35.000	77	2.695.000	17 lớp x 01 chai/2 tháng x 9 tháng
6	Cây lau nhà tròn	Chiếc	98.000	17	1.666.000	17 lớp x 01 bộ/năm học
7	Chổi quét quét nhà	Chiếc	40.000	17	680.000	17 lớp x 01 cái /năm học
8	Găng tay cao su sắc cầu vồng	Cái	25.000	68	1.700.000	34 giáo viên x 02 đôi/giáo viên/năm học
9	Chổi xương Inox	Chiếc	28.000	17	476.000	17 lớp x 01 cái/năm học

10	Chổi cọ toilet 2 đầu	Cái	33.000	34	1.122.000	17 lớp x 02 cái/năm học
11	Hót rác nhựa cán dài nhựa Songlong	Chiếc	35.500	17	603.500	17 lớp x 01 cái/năm học
12	Túi bóng đựng rác 10 kg	Kg	36.000	77	2.772.000	17 lớp x 01kg/2 tháng x9 tháng học
<b>Tổng cộng chi</b>					<b>34.202.500</b>	

- Dự kiến thu:  $34.202.500/380\text{trẻ} \rightarrow 90.000/\text{trẻ}/\text{năm} \rightarrow 10.000\text{đ}/\text{trẻ}/\text{tháng}$

\* **Tiền nước uống cho học sinh:** 15.000đ/tháng/trẻ (Thu theo tháng thực học)

- Dự kiến chi: 51.300.000đ

Căn cứ Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT ngày 12/5/2016 quy định về công tác y tế trường học nêu rõ “Trường học cung cấp đủ nước uống cho học sinh, tối thiểu 0,5 lít về mùa hè, 0,3 lít về mùa đông cho một học sinh trong một buổi học”. Nước uống mùa đông cho trẻ là 50 độ C

Năm học 2025-2026 nhà trường dự kiến có 380 trẻ đến trường:

- Mùa hè: Mỗi 01 ngày trẻ cần: 0,5 lít nước/trẻ

01 tháng trẻ cần: 0,5 lít nước x 22 ngày = 11 lít/tháng/ trẻ

06 tháng mùa hè trẻ cần: 11 lít/tháng/trẻ x 06 tháng = 66 lít/năm/trẻ

- Mùa đông: Mỗi 01 ngày trẻ cần: 0,3 lít nước/trẻ

01 tháng trẻ cần: 0,3 lít nước x 22 ngày = 6,6 lít/tháng/ trẻ

03 tháng đông trẻ cần: 6,6 lít/tháng/trẻ x 03 tháng = 19,8 lít/năm/trẻ

Trong 01 năm (mùa đông và mùa hè) trẻ toàn trường cần dùng:

(66 lít mùa hè + 19,8 lít nước mùa đông) x 380 trẻ = 32.604 lít/năm

01 lít nước có giá: 1.574đ

Tổng số tiền nước cần chi trong năm học: 32.604 x 1.574đ/lít = 51.318.696đ.

Tổng tiền nước: 51.318.696đ/380 trẻ  $\rightarrow$  135.049đ/trẻ/năm (09 tháng)

=15.000đ/trẻ/tháng

- Như vậy tiền nước uống dự kiến là: 15.000đ/trẻ/tháng thực học có hợp đồng và hóa đơn của công ty kèm theo.

- Nhà trường đã gửi thư ngỏ, họp công khai trong cuộc họp, bảng tin và trang web của nhà trường các nhà cung cấp nước uống tinh khiết cho trường học. Quyết định lựa chọn nhà cung cấp có đủ điều kiện về ATTP, có đủ tư cách pháp nhân: Công ty TNHH thương mại dịch vụ An Hưng Việt. Địa chỉ: Số nhà 891, phố Thiên Sơn, phường Hoa Lư, tỉnh NB

- Lắp hệ thống lọc nước ở 3 điểm trường

- Mỗi lớp có 1 hệ thống nước uống (có bên âm - nguội)

\* Dự kiến thu: 15.000đ/trẻ/tháng

\* **Dịch vụ chăm sóc bán trú** (bao gồm dịch vụ trực trưa cho GV, CBQL, NV và thuê người nấu ăn): 180.000đ/trẻ/tháng (Thu theo tháng thực học)

- Dự kiến chi: Nhà trường chi bao gồm dịch vụ trực trưa cho GV, CBQL, NV và thuê người nấu ăn.

- Tiền thuê nhân viên nấu ăn:

Năm học 2025-2026, nhà trường hợp đồng với 07 nhân viên nuôi dưỡng, thực hiện nhiệm vụ nấu ăn cho trẻ trong trường mầm non. (Điểm trường Côi Khê: 01 nhân viên; điểm trường Khê Trong: 01 nhân viên; điểm trường Văn Lâm: 05 nhân viên)

Dự kiến chi trả cho nhân viên nuôi dưỡng là 5.500.000đ/người/tháng từ nguồn đóng góp của phụ huynh. Được trả vào tài khoản ngân hàng của nhân viên từ ngày 25 đến 30 hàng tháng.

07 nhân viên x 5.500.000đ/tháng x 09 tháng = 346.500.000đ

- Chi bồi dưỡng trực trưa cho CBQLGVNV:

Năm học 2025-2026: Trường có 03 điểm trường với 17 nhóm lớp, do đó mỗi một ngày trực nhà trường có 22 người trực tại 3 điểm trường.

Bình quân 01 tháng có 20 ngày trực, 01 năm có 180 ngày trực, dự kiến chi mỗi buổi trực trưa là 68.000đ/người/buổi:

180 ngày x 22 người x 68.000đ/người/ngày = 269.280.000đ/năm

Số tiền chi trực trưa của CBGVNV nhà trường sẽ thanh toán vào cuối mỗi học kỳ. Số tiền thu được tăng hoặc giảm nhà trường sẽ điều chỉnh mức chi vào tháng cuối cùng (tháng 05/2026) của năm học cho CBGVNV để đảm bảo thu đủ bù đắp chi.

Như vậy tổng số tiền chi chăm sóc bán trú là: 615.780.000đ

Năm học 2025-2026 nhà trường dự kiến có 380 trẻ. Như vậy mỗi trẻ: 615.780.000/380trẻ -> 1.620.000/trẻ/năm -> 180.000đ/trẻ/tháng.

**\* Tài liệu, đồ dùng, đồ chơi và học liệu**

Căn cứ Thông tư 02/2010/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo, ban hành ngày 11/2/2010, quy định Danh mục đồ dùng, đồ chơi và thiết bị dạy học tối thiểu tại các cơ sở giáo dục mầm non. Thông tư này bao gồm danh mục cho 6 nhóm lớp, từ trẻ 3-12 tháng tuổi đến trẻ 5-6 tuổi, nhằm cung cấp các trang thiết bị cần thiết cho hoạt động dạy học.

Thông tư 47/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ GD&ĐT quy định việc lựa chọn đồ chơi học liệu được sử dụng trong các cơ sở GDMN.

Căn cứ quyết định số 147/QĐ-MNNH ngày 25/8/2025 của trường MN Ninh Hải Quyết định thành lập hội đồng lựa chọn đồ chơi học liệu được sử dụng trong trường MN năm học 2025-2026.

Căn cứ vào chương trình giáo dục mầm non.

Trường MN Ninh Hải thông báo tới PH các danh mục đồ dùng, đồ chơi và thiết bị dạy học tối thiểu phục vụ cho học tập của trẻ tại trường. (có danh mục đính kèm với từng độ tuổi). Đề nghị các bậc PH căn cứ vào đó để mua cho trẻ, phục vụ cho việc học tập, sinh hoạt của trẻ ở tại trường theo quy định.

**\* Làm quen với Tiếng Anh đối với trẻ em mẫu giáo và làm quen Tin học đối với học sinh lớp 1,2**

Tên công ty: Công ty TNHH GD&ĐT Sao Kim

Địa chỉ:

Mức thu: 30.000đ/1 tiết/hs.

Phụ huynh đăng ký cho con học trên tinh thần không ép buộc. Nhà trường tổng hợp và phối hợp trung tâm tổ chức dạy cho học sinh.

**4. Các khoản thu khác: Kinh phí hoạt động của BDDCMHS**

Căn cứ Thông tư 55/2011/TT- BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ GD&ĐT về việc Ban hành Điều lệ Ban đại diện CMHS để thực hiện xây dựng kế hoạch và quy chế hoạt động.

Kinh phí hoạt động của Ban đại diện CMHS nhà trường không thu hộ mà PH tự thu và chi.

## II. PHẦN THU:

**\*Dự kiến số trẻ đến trường: 380 cháu,** trong đó:

### 1. Các khoản thu theo quy định

Thực hiện Công văn số 5542/BGDĐT-KHTC ngày 12/9/2025 của Bộ GD&ĐT về thực hiện chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo năm học 2025-2026: Trẻ em MN, học sinh phổ thông, người học chương trình GDPT trong các CSGD công lập được miễn học phí theo Điều 15, Điều 16 ( *Điều 15. Đối tượng được miễn học phí*)

### 2. Các khoản thu hộ: Thu theo nhu cầu của PHHS

- Bảo Việt: 150.000đ/trẻ/năm học.

### 3. Các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục

3.1. Tiền ăn bán trú: 20.000đ/trẻ/ngày

3.2 Tiền dịch vụ trang thiết bị, đồ dùng phục vụ học sinh bán trú: 100.000đ/trẻ/năm

3.3. Tiền vệ sinh lớp: 10.000đ/trẻ/tháng

3.4. Nước uống: 15.000đ/trẻ/tháng

3.5. Chăm sóc bán trú (bao gồm tiền chi bồi dưỡng trực trưa cho giáo viên, cán bộ quản lý, các đối tượng nhân viên khác được phân công và tiền thuê người nấu ăn): 180.000đ/ trẻ/tháng.

3.6. Làm quen với Tiếng Anh đối với trẻ em mẫu giáo và làm quen Tin học đối với học sinh lớp 1,2: 30.000đ/1 tiết/hs.

*Riêng đối với trẻ đi học từ 01-03 buổi thì nhà trường sẽ không thu các khoản ngoài tiền ăn thực tế của trẻ. Trẻ đi học từ 04 buổi trở lên nhà trường sẽ thu cả tháng đối với các khoản thu.*

### 4. Kinh phí hoạt động của ban ĐDCMHS

Do phụ huynh tự nguyện đóng góp và xây dựng mức chi phục vụ cho các cháu.

Nhà trường dự kiến thu các khoản theo qui định và thỏa thuận với cha mẹ học sinh theo tháng, nhưng nếu phụ huynh nào có nhu cầu nộp theo học kỳ hoặc cả năm thì nhà trường cũng sẽ thu theo tháng, hoặc học kỳ, hoặc cả năm học sau đó kết thúc năm học tùy tình hình thời gian học thực tế sẽ thanh toán với phụ huynh để tạo điều kiện thuận lợi cho gia đình học sinh.

Trên đây là các khoản thu theo qui định và thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục Năm học 2025-2026 của trường mầm non Ninh Hải./.

#### Nơi nhận:

- CBGVNV trong nhà trường;
- Ban ĐDCMHS nhà trường. các nhóm lớp;
- Lưu: HSTC, VT.

TM. TRƯỜNG MẦM NON  
HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Thu Hương



## DANH MỤC ĐỒ DÙNG - ĐỒ CHƠI CỦA TRẺ 13-24 THÁNG TUỔI

STT	TÊN ĐỒ DÙNG	ĐVT	SL CHO 1 TRẺ	GHI CHÚ
1	Khăn mặt	Cái	1	
2	Cốc	Cái	1	
3	Đất nặn	Quyển	1	
4	Bút sáp	Cái	1	
Tổng cộng				



## DANH MỤC ĐỒ DÙNG - ĐỒ CHƠI CỦA TRẺ 24-36 THÁNG

STT	TÊN ĐỒ DÙNG	ĐVT	SL CHO 1 TRẺ	GHI CHÚ
1	Khăn mặt	Cái	1	
2	Cốc	Cái	1	
3	Đất nặn	Quyển	1	
4	Bút sáp	Cái	1	
5	Giấy thủ công	Túi	1	
6	Hồ dán	Lọ	1	
7	Sách tạo hình	Quyển	1	
8	Sách bé làm quen với toán	Quyển	1	
<b>Tổng cộng</b>				



## DANH MỤC ĐỒ DÙNG - ĐỒ CHƠI CỦA TRẺ 3 - 4 TUỔI

ST T	TÊN ĐỒ DÙNG	ĐVT	SỐ LƯỢNG	GHI CHÚ
1	Khăn mặt	Cái	1	
2	Cốc	Cái	1	
3	Đất nặn	Quyển	1	
4	Bút sáp	Cái	1	
5	Giấy thủ công	Túi	1	
6	Hồ dán	Lọ	1	
7	Bút chì	Cái	1	
8	Bút lông	Bộ	1	
9	Màu nước	Bộ	1	2c /1 bộ
10	Bộ làm quen với toán	Hộp	1	
11	Bé làm quen với chữ cái	Quyển	1	
12	Bé làm quen với toán	Quyển	1	
13	Bé làm quen với tạo hình	Quyển	1	
14	Thẻ chữ cái	Bộ	1	
<b>Tổng cộng</b>				



## DANH MỤC ĐỒ DÙNG - ĐỒ CHƠI CỦA TRẺ 4 - 5 TUỔI

STT	TÊN ĐỒ DÙNG	ĐVT	SỐ LƯỢNG	GHI CHÚ
1	Khăn mặt	Cái	1	
2	Cốc	Cái	1	
3	Đất nặn	Quyển	1	
4	Bút sáp	Cái	1	
5	Giấy thủ công	Túi	1	
6	Hồ dán	Lọ	1	
7	Bút chì	Cái	1	
8	Bút lông	Bộ	1	
9	Màu nước	Bộ	1	2c /1 bộ
10	Bộ làm quen với toán	Hộp	1	
11	Bé làm quen với chữ cái	Quyển	1	
12	Bé làm quen với toán	Quyển	1	
13	Bé làm quen với tạo hình	Quyển	1	
14	Thẻ chữ cái	Bộ	1	
<b>Tổng cộng</b>				

